

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 581/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2018

V/v ly hôn, nuôi con giữa anh Bùi Quang
Đ và chị Trần Thị Ánh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Lan.

Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Quang Đ, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 6/109 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Ánh D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 6/109 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26-9-2018, bản tự khai ngày 02-10-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Bùi Quang Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ánh D có thời gian tìm hiểu rồi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T - thành phố N vào ngày 06-02-1991 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, chị D không tu chí làm ăn, chơi lô đề cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị D không thay đổi, tiếp tục chơi bời nợ nần, không chăm lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh xác định tình

cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Bùi Thị L, sinh ngày 13-12-1991; cháu Bùi Quang N, sinh năm 1998 (đã chết) và cháu Bùi Tiến T, sinh ngày 24-8-2010. Cháu L đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động và tự lập. Hiện nay cháu T đang ở với anh. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Bùi Tiến T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn vì anh có công việc ổn định, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Bùi Tiến T.

- Về chia tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã triệu tập hợp lệ nhưng chị Trần Thị Ánh D không có mặt theo giấy triệu tập.

Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện Tổ dân phố số 28, phường T, thành phố N cung cấp:

Vợ chồng chị Trần Thị Ánh D và anh Bùi Quang Đ có đăng ký hộ khẩu và ở tại số nhà 6/109 đường G, phường T, thành phố N. Anh chị có ba con chung: con lớn đã lập gia đình, con thứ hai đã chết, con thứ ba đang học tiểu học và đang ở với anh Đ. Quá trình chung sống khoảng 5 năm trở lại đây, anh Đ và chị D thường xuyên xảy ra xô xát, đánh chửi nhau. Địa phương đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn cho anh Đ và chị D hai lần. Đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của anh Đ và chị D theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ngày 02-10-2018, cháu Bùi Tiến T - con chung của chị Trần Thị Ánh D và anh Bùi Quang Đ trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, anh Đ đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; chị D chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa anh Bùi Quang Đ và chị Trần Thị Ánh D; giao cháu cháu Bùi Tiến T, sinh ngày 24-8-2010 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Trần Thị Ánh D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng, căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ánh D.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Hôn nhân giữa anh Bùi Quang Đ và chị Trần Thị Ánh D là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, anh Đ và chị D xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ và chị D ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung:*

Anh Bùi Quang Đ và chị Trần Thị Ánh D có hai con chung: một con đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động tự lập; một con chưa đủ 18 tuổi là cháu Bùi Tiến T, sinh ngày 24-8-2010 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu T đang được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Anh Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Tiến T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Quang Đ không yêu cầu chị Trần Thị Ánh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về chia tài sản:*

Anh Bùi Quang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh Bùi Quang Đ là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào Điều b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa anh Bùi Quang Đ và chị Trần Thị Ánh D.

2. Giao cháu Bùi Tiến T, sinh ngày 24-8-2010 (giới tính: Nam) cho anh Bùi Quang Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Quang Đ không yêu cầu chị Trần Thị Ánh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Ánh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Quang Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại biên lai số 0000292 ngày 26-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Anh Bùi Quang Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Ánh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án TP. Nam Định;
- UBND P. T, TP. N;
- UBND P. A, TP. N;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh

